

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 26 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Nam
2. Bà Võ Thị Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 739/2019/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Thiên L; giới tính: nam; sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 53/21 NHĐ, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 53/19 NHĐ, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TH (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 2018;

Tiền án: Ngày 13/4/2016 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2019 (có mặt).

2. Phạm Đình P; giới tính: nam; sinh năm 1995 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: 24 TVB, Phường B, Thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; tạm trú: 4.2 Lô E1 Chung cư MĐ, số 220 XVNT, Phường HM, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: sinh viên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Đ T và bà Trần T D; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2019 (có mặt).

3. Nguyễn Tấn T, giới tính: nam; sinh ngày 28/3/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 98/121/27 TL, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Căn hộ số 9, lầu 11 Chung cư AC, số 659 AC, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn TL và bà Nguyễn Thị K N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 07/3/2019 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa:

1. Bà Nguyễn Ngọc Trâm – Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Trung Hiếu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Thiên L (có mặt).

2. Ông Đỗ Ngọc Oánh – Luật sư Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc Oánh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Đình Phú (có mặt).

3. Ông Võ Tấn Tân – Luật sư Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 07/3/2019, tại trước nhà số 20 NTT, Phường ML, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, công an phát hiện Nguyễn Tấn T có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở công an phường 15 làm việc. Qua kiểm tra thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của T 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là Ketamine, khối lượng 6,3364 gram; 01 gói nylon chứa 20 viên nén hình mặt con heo màu vàng nhạt, qua giám định là MDMA, khối lượng 9,0288 gram. T khai nhận nguồn gốc ma túy do Phạm Đình P mua của Nguyễn Hữu Thiên L và giao cho T đi bán cho người nghiện.

Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, công an khám xét chỗ ở của T, P và L tại căn hộ số 9 lầu 11 Chung cư AC, phường TT, quận TP phát hiện và thu giữ:

- Trong phòng ngủ của T và P thu giữ: 01 gói nylon chứa chất bột màu cam, qua giám định là Ketamine khối lượng 7,1732 gram; 01 gói nylon chứa 01 viên nén hình mặt con heo màu vàng nhạt, qua giám định là MDMA khối lượng 0,4649 gram. P khai nhận số ma túy trên của đối tượng tên Tý (không rõ lai lịch) đưa để chào bán giúp nhưng P chưa bán được.

- Trong nhà vệ sinh thu giữ: 03 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, qua

giám định là Ketamine khối lượng 1,6522 gram. P khai nhận số ma túy trên do L đưa vào ngày 03/3/2019 để bán cho người nghiện.

- Trong phòng ngủ của Nguyễn Hữu Thiên L thu giữ: 02 gói nylon chứa 195 viên hình mặt con heo màu vàng nhạt, qua giám định là MDMA khối lượng 8,3025 gram và 01 hộp đồng thuê nhà do L đứng tên.

Tại phiên tòa, các bị cáo L, P và T khai nhận quá trình mua bán ma túy như sau:

+ Lần thứ 1: Ngày 27/02/2019 P mua của L 04 viên thuốc lắc giá 200.000 đồng/viên sau đó trực tiếp bán lại cho người nghiện với giá 250.000 đồng.

+ Lần thứ 2: Ngày 01/3/2019, P mua của L 03 viên thuốc lắc giá 200.000 đồng sau đó đưa cho T đi bán với giá 250.000 đồng.

+ Lần thứ 3: Ngày 03/3/2019, P mua của L 03 viên thuốc lắc giá 200.000 đồng sau đó đưa cho T đi bán với giá 250.000 đồng.

+ Lần thứ 4: Ngày 04/3/2019, P mua của L 03 viên thuốc lắc giá 200.000 đồng sau đó đưa cho T đi bán với giá 250.000 đồng.

+ Lần thứ 5: Ngày 05/3/2019, P mua của L 05 gram Ketamine giá 4.500.000 đồng sau đó P bán cho người phụ nữ tên bé Mèo với giá 5.000.000 đồng. P có rủ T đi cùng nhưng không nói cho T biết là đi bán ma túy.

+ Lần thứ 6: Ngày 07/3/2019, P, T và L đang ở phòng của T và P thì bé Mèo điện thoại cho P đặt mua 20 viên thuốc lắc giá 5.000.000 đồng và 10 gram Ketamine giá 10.000.000 đồng. P nói cho L và T nghe, sau đó L đi về phòng riêng của L. P kêu T gặp L lấy 20 viên thuốc lắc với giá 4.000.000 đồng và 10 gram Ketamine với giá 9.500.000 đồng sau đó đem đến trước nhà số 20 NTT để bán cho bé Mèo nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

+ Ngoài ra, khoảng đầu tháng 3/2019, P còn mua của L 0,5 gram Ketamine với giá 750.000 đồng và 02 viên thuốc lắc với giá 200.000 đồng để bán lại cho T, thu lợi 50.000 đồng.

- Nguyễn Tấn T khai nhận ngoài phụ giúp P bán ma túy, T còn phụ giúp Nguyễn Hữu Thiên L bán ma túy khoảng 10 lần, mỗi lần được L trả công từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 507/CT-VKS-P1 ngày 22/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Thiên L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Phạm Đình P và Nguyễn Tấn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt:

+ Nguyễn Hữu Thiên L từ 17 đến 18 năm tù, buộc nộp phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

+ Phạm Đình P từ 07 đến 08 năm tù, buộc nộp phạt 5.000.0000 đồng.

+ Nguyễn Tấn T từ 04 đến 05 năm tù.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều nêu ý kiến thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố đối với các bị cáo và nêu các tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên phạt các bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, cụ thể:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Thiên L trình bày tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ mất sớm, con còn nhỏ, vợ đang có thai nên đề nghị giảm mức phạt tiền cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Đình P trình bày số lượng ma túy bị cáo mua bán không lớn, thu lợi nhỏ đồng thời toàn bộ số ma túy đã thu giữ chưa phát tán nên hậu quả có hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bản thân là sinh viên nên đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T trình bày bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, có bà ngoại tham gia cách mạng nên đề nghị tuyên phạt mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như vật chứng, bản kết luận giám định, biên bản ghi lời khai người làm chứng, biên bản xác minh và các biên bản hoạt động điều tra khác...có đủ cơ sở xác định khoảng cuối tháng 02/2019, Phạm Đình P và Nguyễn Tấn T bắt đầu tới ở chung

với Nguyễn Hữu Thiên L tại căn hộ số 9 lầu 11 Chung cư AC để cùng thực hiện mua bán ma túy kiếm lời. P đã nhiều lần mua ma túy của L để bán lại cho các đối tượng nghiện. T được P và L thuê đi giao ma túy cho người mua với mức tiền công từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/lần. Ngày 07/3/2019, P mua ma túy của L sau đó giao cho T đem bán cho khách nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Khám xét tại căn hộ số 9 lầu 11 Chung cư AC, thu giữ của P và L nhiều gói ma túy các loại Ketamine và MDMA.

Với các tình tiết đã được chứng minh tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Hữu Thiên L, Phạm Đình P và Nguyễn Tấn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hại cho xã hội, gieo rắc nọc độc, làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, gây mất trị an. Bị cáo Nguyễn Hữu Thiên L phải chịu trách nhiệm về tổng số ma túy đã bán cho Phạm Đình P là 6,3364 gram Ketamine, 9,0288 gram MDMA (đã thu giữ quả tang vào ngày 07/3/2019) và 88,3025 gram MDMA thu giữ khi khám xét nhà bị cáo, tổng cộng 97,3313 gram MDMA và 6,3364 gram Ketamine. Ngày 13/4/2016, bị cáo đã bị kết án 1 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”, thời gian thử thách là 03 năm đến ngày 07/3/2019 bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội mới. Như vậy, bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, cần áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần chuyển hình phạt 01 năm 6 tháng tù treo của Bản án số 105/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình thành 01 năm 06 tháng tù giam và tổng hợp với hình phạt mới của bản án này.

Bị cáo Phạm Đình P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 6,3364 gram Ketamine; 9,0288 gram MDMA đã mua của Nguyễn Hữu Thiên L và 8,8254 gram Ketamine và 0,4649 MDMA thu giữ tại chỗ ở của bị cáo, tổng cộng 9,4937 gram MDMA và 15,1618 gram Ketamine. Ngoài ra, bị cáo đã nhiều lần mua bán ma túy với L trước đó để hưởng lợi nên cần áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Tấn T tham gia giúp Phạm Đình P và Nguyễn Hữu Thiên L mua bán ma túy nhiều lần. Ngày 07/3/2019, bị cáo đi giao 6,3364 gram Ketamine; 9,0288 gram MDMA cho P thì bị bắt quả tang nên phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã thu giữ và những lần mua bán trước đó với vai

trò đồng phạm giúp sức. Do đó, cần áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo P và T đều có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện ăn năn hối cải, riêng bị cáo L quá trình điều tra không khai nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho tất cả các bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P và T phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Tấn T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho P và L để hưởng tiền công, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức và hiểu biết pháp luật có hạn chế, bà ngoại bị cáo có công với cách mạng. Bị cáo L có con nhỏ, bản thân là lao động chính nên Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo một mức hình phạt.

Ngoài hình phạt chính, buộc các bị cáo L và P nộp phạt một khoản tiền nhất định để nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Ma túy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.
 - Điện thoại di động, xe gắn máy là phương tiện các bị cáo T và P sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.
 - Số tiền 700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tấn T, qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo.
 - Chứng chỉ so cấp học lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Hữu Thiên L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo L.
 - Hợp đồng đặt cọc thuê nhà đứng tên Nguyễn Hữu Thiên L lưu hồ sơ vụ án.
- Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

+ Xử phạt **Nguyễn Hữu Thiên L** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm 6 tháng tù của bản án số 105/2016/HSST ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2019 nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 04/01/2016 đến ngày 13/4/2016.

+ Buộc bị cáo L nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

+ Xử phạt **Phạm Đình P** 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2019.

+ Buộc bị cáo P nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt **Nguyễn Tấn T** 04 (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2019.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm phong số 696/2019 (gói số 6), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Hồ Văn Tùng – Công an quận Phú Nhuận, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 04 tờ giấy hình vuông có ghi chữ và số, có chữ ký ghi tên Phạm Đình P.

+ 06 gói niêm phong số 696/2019 (gói số 1, 2, 3, 4, 5, 7), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Hồ Văn Tùng – Công an quận Phú Nhuận, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 bịch nylon màu đen; 01 túi giấy màu đỏ; 01 hộp giấy màu đen;

+ Một số gói nylon rỗng.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng hồng, model A1688 FCC ID BCG (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện; không có imei ở khay sim)

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau dán hoa văn màu vàng đồng (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, model A1688).

+ 01 xe gắn máy nhãn hiệu Trung Quốc, loại xe 02 bánh, số loại không xác định, biển số 59PA-02035, số khung: RRKDCB6UMFXP02361, số máy: VTT69YX1P39FMB002361.

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Thiên L: 01 hợp đồng đặt cọc thuê căn hộ (bên thuê mang tên Nguyễn Hữu Thiên L); 01 chứng chỉ sơ cấp học lái xe hạng

B2 mang tên Nguyễn Hữu Thiên L.

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn T số tiền 700.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 82/20 ngày 26/11/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/3/2019 của Công an quận Phú Nhuận tại Kho bạc Nhà nước Phú Nhuận).

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- THA HS; (1)
- Trại giam, bị cáo; (6)
- Người tham gia tố tụng (3)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (25). (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình